| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH ĐỒNG THÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 459/2024/DS-PT
Ngày 21 - 8 - 2024
"*V/v Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:Ông Nguyễn Tấn Tặng.

*Các Thẩm phán*: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy

Bà Kiều Kim Xuân.

***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Chí Dũng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp***: Bà Trần Thị Ngọc Quí, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 07 tháng 8 năm 2024 và ngày 21 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 211/2024/TLPT-DS ngày 16 tháng 4 năm 2024, "V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản, tranh chấp dân sự về quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 361/2024/QĐ-PT ngày 29 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 428/2024/QĐ-PT ngày 27/6/202; Quyết định hoãn phiên tòa số 474/2024/QĐ-PT, ngày 22/7/2024, giữa các đương sự:

2. Nguyên đơn:

1.1 Chị Nguyễn Ngọc Lan P, sinh năm 1987.

1.2 Anh Nguyễn Bảo L, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số B P, Khóm E, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của chị Lan P1 và anh L: Anh Ngô Quang T,

sinh năm 1971. Là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 16/3/2023, ngày 25/6/2024.

Địa chỉ: Số C, đường T, Khóm B, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị P1, anh L: Luật sư Thái Quang T1, Văn phòng L3 thuộc đoàn luật sư tỉnh Đ.

Địa chỉ: B N, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

2.1 Chị Trần Ngọc Huyền V, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số F, đường số A, khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: Số B, ấp T, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2.2 Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số F, đường số A, khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị V và anh H: Luật sư Nguyễn Văn X - Trung tâm trợ giúp pháp lý quận P, Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ: D N, Phường C, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Đặng Thị T2, sinh năm 1963.

3.2 Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1962 (chết ngày 16/5/2024).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông S:

- Bà Đặng Thị T2, sinh năm 1963.
- Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1985.

3.3 Cháu Nguyễn Đức T3, sinh năm 2015.

3.4 Cháu Nguyễn Thiên T4, sinh năm 2017.

*Người đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Đức T3, cháu Nguyễn Thiên T4:* Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1985 - Là cha ruột.

Cùng địa chỉ: Số F, đường số A, khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Anh T, chị V, anh H, bà T2, Luật sư T1, Luật sư X có mặt tại phiên tòa. Các đương sự còn lại vắng mặt tại phiên tòa.

* *Người kháng cáo*: Chị Trần Ngọc Huyền V1, anh Nguyễn Thanh H là bị đơn và bà Đặng Thị T2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*- Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/03/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc Lan P, anh Nguyễn Bảo L do người đại diện theo uỷ quyền ông Ngô Quang T trình bày*:

Vào ngày 12/01/2023 vợ chồng chị Trần Ngọc H1 V1 và anh Nguyễn Thanh H có hỏi của vợ chồng Nguyễn Ngọc L1 P và anh Nguyễn Bảo L số tiền là: 632.000.000 đồng, mục đích để làm ăn nên cần thêm vốn và hẹn khi vợ chồng Nguyễn Ngọc L1 P và anh Nguyễn Bảo L cần lấy lại thì vợ chồng V1, H sẽ hoàn trả, nếu sai thì chịu trách nhiệm trước pháp luật. Sau khi vợ chồng Nguyễn Ngọc L1 P và anh Nguyễn Bảo L cần lấy lại số tiền thì chị Trần Ngọc H1 V1 và anh Nguyễn Thanh H cố lánh mặt mà không trả lại số tiền đã mượn của vợ chồng Nguyễn Ngọc L1 P và anh Nguyễn Bảo L. Do số tiền vợ chồng chị Trần Ngọc H1 V1 và anh Nguyễn Thanh H mượn đã lâu mà không muốn trả nên vợ chồng Nguyễn Ngọc L1 P và anh Nguyễn Bảo L làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng chị Trần Ngọc H1 V1 và anh Nguyễn Thanh H phải trả lại cho vợ chồng Nguyễn Ngọc L1 P và anh Nguyễn Bảo L số tiền vay còn nợ là: 632.000.000 đồng không yêu cầu tính lãi.

*- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn Nguyễn Ngọc Lan P, Luật sư Thái Quang T1 trình bày*: Thống nhất theo trình bày của chị P, anh L, không bổ sung gì thêm.

*- Bị đơn chị Trần Ngọc Huyền V1 và anh Nguyễn Thanh H trình bày*:

Chị Trần Ngọc H1 V1 và anh Nguyễn Thanh H đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Toà án, nay theo ý kiến của anh chị trình bày như sau:

*Thứ nhất*: Đối với yêu cầu của chị P và anh L yêu cầu anh H và chị V1 cùng liên đới trả số tiền vay còn thiếu là 632.000.000 đồng, anh chị không đồng ý bởi các lý do sau:

*Một là*, Đối với số tiền mượn 632.000.000 đồng vào ngày 12/01/2023 của chị P và anh L đều do một mình chị V1 đứng ra giao dịch với tư cách cá nhân, nhận tiền và ký vào biên nhận cũng đều do một mình chị V1 thực hiện, nên số tiền mượn này anh H hoàn toàn không biết và anh H không sử dụng số tiền mượn này. Do đó, cho thấy giao dịch dân sự về việc mượn tiền giữa chị V1, chị P, anh L là do chị V1 thực hiện, anh H không có bất cứ sự ủy quyền hay giao quyền cho chị V1 đứng ra giao dịch thay.

*Hai là,* Số tiền mượn 632.000.000 đồng là chị V1 mượn giúp cho anh Nguyễn Linh T5, sinh năm 1997; Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, sau khi nhận tiền thì chị V1 đưa cho anh T5 mượn lại 630.000.000 đồng (có biên nhận mượn tiền kèm theo), nên hiện tại anh T5 cũng còn nợ chị V1 số tiền này, số tiền còn dư lại 2.000.000 đồng thì chị V1 đem về sử dụng chi tiêu cá nhân. Vì vậy, với lý do đã đưa ra thì việc chị V1 mượn tiền không liên quan đến anh H mà là mượn cho cá nhân chị V1 chứ không sử dụng vào mục đích phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do đó căn cứ theo khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng chỉ chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình và căn cứ theo khoản 3 Điều 45 Luật Hôn nhân và gia đình thì nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch dân sự do một bên xác lập, thực hiện không vì nhu cầu của gia đình là nghĩa vụ riêng của vợ chồng. Điều này cho thấy với các chứng cứ chị V1, anh H vừa trình bày ở trên đủ để khẳng định việc chị V1 thực hiện giao dịch mượn tiền không vì mục đích phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình nên không liên quan đến anh H và anh H không phải chịu trách nhiệm liên đới đối với số nợ này. Nay chị V1 thống nhất một mình chị trả số nợ trên cho chị P và anh L vì nợ này là riêng của chị, chị không yêu cầu anh H liên đới trả nợ.

*Thứ hai*, Chị V1, anh H yêu cầu huỷ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2023/QĐ-BPKCTT ngày 20/3/2023. Vì quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH3368, diện tích đất 48m$^2$ thuộc thửa số 30, tờ bản đồ số 69, đất tọa lạc tại phường A, thành phố H, Đồng Tháp là tài sản của bà Đặng Thị T2 chứ không phải là tài sản chung của anh H và chị V1, cũng không là tài sản riêng của anh H. Phần diện tích đất này do bà T2 và anh H cùng đứng tên nhận chuyển nhượng và bà T2 mua với giá 40.000.000 đồng, do anh H sống chung nên bà T2 để anh H đứng tên giùm trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đến năm 2010 bà T2 xuất tiền xây nhà (có xác nhận của thợ xây nhà), đến năm 2014 anh H mới cưới chị V1 về. Do là con một và để thuận tiện trong việc làm giấy tờ bà T2 nhờ anh H đứng tên nhà và đất giùm. Vào ngày 09/3/2021 giữa bà T2, anh H và chị V1 có thỏa thuận với nhau là tài sản quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất là tài sản của bà T2 không phải tài sản của anh H, anh H chỉ là người đứng tên thay cho mẹ anh H là bà T2 được sự chứng kiến và xác nhận của P2 khóm là bà Nguyễn Thị T6 và những người

làm chứng là Lâm Văn T7, Phạm Thị T8, Nguyễn Thị Kim P3. Do anh H cần vốn làm ăn nên lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất để vay tiền tại ngân hàng B nhưng chưa trả. Vì vậy, ngày 14/3/2023 bà T2 đã xuất ra số tiền là 307.000.000 đồng để trả tiền Ngân hàng lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra, để anh H làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất trả lại cho bà T2. Do đó, đây là tài sản của bà T2, việc Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không cho anh H chuyển trả lại quyền sử dụng đất cho bà T2 là không đúng, vì bà T2 là người ngay tình trong vấn đề này, bà T2 là người trả tiền trong ngân hàng và nếu bà T2 không trả tiền cho ngân hàng thì tài sản này là tài sản thế chấp của ngân hàng và có thể bị xử lý bất cứ lúc nào khi anh H vi phạm nghĩa vụ. Do đó, bà T2 là người ngay tình cần được bảo vệ để trả lại quyền sử dụng đất cho bà T2 là hủy bỏ biện pháp ngăn chặn. Đối với chiếc xe SH 150i nhãn hiệu HONDA, biển số: 66H1 – 448.83 và chiếc xe máy FUTURE nhãn hiệu HONDA, biển số: 66F1 – 913.72 đều do anh H đứng tên, do trước đây anh H, chị V1 có mượn bà T2 200.000.000 đồng để mua xe và tiêu xài nhưng không có khả năng trả nên vào ngày 12/3/2023 anh H đã làm thủ tục bán hai chiếc xe trên với giá là 80.000.000 đồng để cấn một phần nợ mà bà T2 cho mượn để mua xe. Đối với hai xe trên là anh Nguyễn Thanh H mua trả góp tại Trung tâm T10, địa chỉ số C L, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp và hiện tại anh H còn đang trả góp cho công ty, chưa trả xong.

Với các nội dung chị V1, anh H vừa trình bày ở trên cho thấy mặc dù các tài sản này là do anh H đứng tên nhưng không phải là tài sản riêng của anh H, cũng không phải là tài sản chung của H với V1, hơn nữa số nợ trong vụ án này là nợ riêng của chị V1 không liên quan đến anh H. Do đó, việc Toà án nhân dân thành phố Hồng Ngự áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2023/QĐ-BPKCTT, ngày 20/3/2023 là không đúng nên chúng tôi yêu cầu hủy.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị T2 trình bày như sau:*

Đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số CH 3368 tại thửa đất số 30 tờ bản đồ số 69, diện tích 48m$^2$ đất tọa lạc tại khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp là tài sản của bà chứ không phải là tài sản chung của anh H và chị V1 và càng không phải là tài sản riêng của anh H. Phần diện tích đất này bà nhận chuyển nhượng của hộ ông Lê Thái H2 vào ngày 04/7/2008

(có hợp đồng mua bán kèm theo) và có rất nhiều người làm chứng theo đơn xác nhận bà T2 đã cung cấp kèm theo.

Đến năm 2010 bà xuất tiền ra để xây dựng nhà trên phần diện tích đất này để ở (có xác nhận của thợ xây nhà là ông Phạm Văn Đ) và mua vật liệu xây dựng tại cửa hàng vật liệu xây dựng S ở phường A, do lúc nhận chuyển nhượng chưa làm được thủ tục sang tên, sau này khi  làm được thủ tục sang tên thì do anh H là con duy nhất trong gia đình nên bà nhờ anh H đứng tên giùm cho dễ việc đi lại làm giấy tờ, đến năm 2014 anh H mới cưới chị V1 về sống chung trong gia đình.

Do anh H khó khăn nên anh H đã lấy quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là tài sản của bà đi thế chấp tại ngân hàng B – Phòng giao dịch thành phố H để vay tiền cho cá nhân anh H và chị V1. Sau đó bà phát hiện sợ anh H và chị V1 không có tiền trả thì đất của bà bị Ngân hàng xử lý thì sẽ không còn chỗ ở. Vì vậy, vào ngày 14/3/2023 bà đi vay tiền bên ngoài để trả số tiền mà anh H, chị V1 thiếu trong ngân hàng B là 307.500.000đ (tôi là người trực tiếp đứng ra trả) để lấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà lại và yêu cầu anh H làm thủ tục chuyển trả lại quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, vì đất và nhà là của bà, bà không cho anh H đứng tên thay bà nữa, nhưng khi làm thủ tục thì đã bị Tòa án ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản trên của bà nên chưa thực hiện được.

Đối với chiếc xe SH 150i nhãn hiệu HONDA, biển số: 66H1 – 448.83 và chiếc xe máy FUTURE nhãn hiệu HONDA, biển số: 66F1 – 913.72 đều do anh H đứng tên, do trước đây anh H, chị V1 có mượn tôi 200.000.000 đồng để mua xe và tiêu xài nhưng không có khả năng trả nên vào ngày 12/3/2023 anh H đã làm thủ tục bán cho bà T2 hai chiếc xe trên với giá là 80.000.000 đồng để cấn một phần nợ, nhưng thủ tục chưa làm xong đã bị chặn.

Việc Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản nhà, đất và hai chiếc xe trên là không đúng pháp luật, gây ra ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà. Vào năm 2021 giữa bà và anh H, chị V1 có thỏa thuận với nhau được thành lập tờ thỏa thuận trong nội dung tờ thỏa thuận anh H, chị V1 đều thừa nhận tài sản này là của bà, anh H chỉ đứng tên thay bà và không được phép giao dịch và hơn thế nữa hiện nay anh H đã lấy tài sản này của bà đi thế chấp ngân hàng B và bà là người trả tiền vay trong Ngân hàng cho anh H, chị

V1 để anh H chuyển trả lại tài sản cho bà, vì vậy nếu bà không trả tiền cho N hành thì hiện nay tài sản này là tài sản thế chấp của Ngân hàng không phải là tài sản của bà nữa (H đứng tên). Vì vậy bà là người ngay tình trong vấn đề này, bà yêu cầu Tòa án xem xét hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Đồng thời, theo đơn yêu cầu độc lập ngày 13/4/2023 bà Đặng Thị T2 trình bày: Vào ngày 20/12/2021 vợ chồng anh H và chị V1 có mượn bà số tiền là 200.000.000đ mục đích để mua xe để có phương tiện đi lại và tiêu xài, lo cho việc học tập của anh H, vợ chồng anh H, chị V1 có làm biên nhận mượn tiền của bà. Đến ngày 14/3/2023 bà có cho anh H, chị V1 mượn số tiền là 307.500.000đ với hình thức là bà trả tiền vào Ngân hàng B phòng giao dịch thành phố H để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh H thế chấp tại ngân hàng để vay tiền để làm thủ tục chuyển trả đất lại cho bà.

Ngày 12/3/2023 anh H có làm thủ tục bán cho bà hai chiếc SH 150i nhãn hiệu HONDA, biển số: 66H1 – 448.83 và chiếc xe máy FUTURE nhãn hiệu HONDA, biển số: 66F1 – 913.72 với giá là 80.000.000 đồng để trừ bớt số tiền mượn 200.000.000 đồng mà vợ chồng anh H chưa trả lại cho bà nhưng trong quá trình làm thủ tục sang tên thì đã bị Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời ngăn chặn lại. Do đó, bà yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự số: 01/2023/QĐ-BPKCTT ngày 20/3/2023. Trong trường hợp Tòa án không chấp nhận yêu cầu hủy bỏ của bà thì bà yêu cầu giải quyết buộc anh Nguyễn Thanh H và chị Trần Ngọc Huyền V1 có trách nhiệm liên đới trả lại cho bà tổng số tiền gốc đã mượn là 507.500.000 đồng (Năm trăm lẻ bảy triệu, năm trăm nghìn đồng) và yêu cầu Tòa án ưu tiên cho bà được nhận số tiền này khi thi hành án vì bà là người ngay tình đã bỏ tiền ra trả tiền trong ngân hàng B để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra, nếu bà không trả thì hiện thửa đất và nhà trên vẫn thuộc tài sản thế chấp của Ngân hàng và cho anh H mượn tiền để mua hai chiếc xe trên. Đến ngày 06/6/2023, bà tự nguyện có đơn rút một phần yêu cầu độc lập và ngày 23/6/2023, bà tự nguyện có đơn rút toàn bộ yêu cầu độc lập của mình, yêu cầu Toà án xem xét theo quy định của pháp luật. Mặt dù đã rút yêu cầu độc lập nhưng đối với yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 01/2023/QĐ-BPKCTT ngày 20/3/2023, thì bà đề nghị Toà án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau đó, bà Đặng Thị T2 lại tiếp tục có đơn yêu cầu độc lập và ngày 24/8/2023, Toà án tiến hành thụ ý yêu cầu độc lập của bà Đặng Thị T2 với nội dung: Bà Đặng Thị T2 yêu cầu Toà án giải quyết buộc anh Nguyễn Thanh H trả lại cho bà phần đất gắn liền căn nhà ngang 4m x dài 12m, diện tích 48m$^2$, thuộc thửa số 30, tờ bản đồ số 69, do anh Nguyễn Thanh H đứng tên, đất toạ lạc tại đường số A, khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

*- Bị đơn chị Trần Ngọc Huyền V1 và anh Nguyễn Thanh H trình bày bổ sung*:

Đối với yêu cầu độc lập của bà Đặng Thị T2 thì anh Nguyễn Thanh H thống nhất. Lý do đất và nhà là của bà T2, anh H chỉ là người đứng tên thay.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn S có đơn xin vắng mặt nhưng có ý kiến trình bày như sau:*

Ông S có nhận được thông báo đưa người liên quan vào tham gia tố tụng của Tòa án, ông S có ý kiến như sau:

Thứ nhất, vào năm 2010 ông có cất căn nhà cấp III toạ lạc tại địa chỉ trên, vì năm 2008 vợ và con trai ông có mua đất thổ cư của ông Lê Thái H2, do ông có một đứa con trai duy nhất nên năm 2021 vợ chồng ông có nhờ con trai tên Nguyễn Thanh H, sinh năm 1985 đứng tên.

Thứ hai, tiền mua nền nhà và vật liệu xây dựng nhà là của ông và vợ ông tên Đặng Thị T2 tích góp để xây dựng nên căn nhà như hiện nay và sinh sống ổn định cho đến bây giờ.

Thứ ba, năm 2014 con trai ông cưới vợ tên Trần Ngọc Huyền V, sinh năm 1985, cháu đầu lòng tên Nguyễn Đức T3, sinh năm 2015, cháu thứ hai tên Nguyễn Thiên T4, sinh năm 2017, hiện hai cháu đang sinh sống chung nhà với vợ chồng ông, gia đình ông chỉ có căn nhà duy nhất để sinh sống và nuôi hai cháu ăn học. Ông thống nhất theo yêu cầu và ý kiến trình bày của vợ ông (bà Đặng Thị T2), không bổ sung gì thêm.

*- Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Ngô Quang T trình bày như sau:*

Đối với yêu cầu độc lập của bà Đặng Thị T2 đối với anh Nguyễn Thanh H phía nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc L1 P và anh Nguyễn Bảo L không thống nhất. Vì yêu cầu của bà T2 xảy ra sau khi chị Nguyễn Ngọc L1 P và anh Nguyễn Bảo L khởi kiện chị Trần Ngọc H1 V và anh Nguyễn Thanh H đòi trả lại tiền cho vay và có yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong toả tài sản

của người có nghĩa vụ đối với phần đất và căn nhà trên, giữa bà T2 và anh H là mẹ con nên anh H thống nhất theo yêu cầu của bà T2 nhằm mục đích phân chia tài sản, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho chị Nguyễn Ngọc L1 P và anh Nguyễn Bảo L.

* Tại Bản án sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp đã tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc L1 P và anh Nguyễn Bảo L.

Buộc chị Trần Ngọc H1 V và anh Nguyễn Thanh H cùng có trách nhiệm liên đới trả cho chị Nguyễn Ngọc L1 P và anh Nguyễn Bảo L số tiền vay còn nợ tổng cộng là 632.000.000 đồng.

2. Đình chỉ giải quyết một phần vụ án đối với yêu cầu độc lập của bà Đặng Thị T2, do bà T2 tự nguyện rút đơn.

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Đặng Thị T2 về việc yêu cầu anh Nguyễn Thanh H trả lại cho bà phần đất gắn liền căn nhà ngang 4m x dài 12m, diện tích 48m$^2$, thuộc thửa số 30, tờ bản đồ số 69, do anh Nguyễn Thanh H đứng tên, đất toạ lạc tại đường số A, khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

4. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 01/2023/QĐ-BPKCTT ngày 20 tháng 03 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá; quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo và nghĩa vụ chậm thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11 tháng 3 năm 2024, anh Nguyễn Thanh H, chị Trần Ngọc Huyền V1 là bị đơn; bà Đặng Thị T2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Chị V1 kháng cáo yêu cầu sửa bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự theo hướng chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là buộc một mình chị Trần Ngọc Huyền V1 có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền thiếu cho chị P, anh L số tiền 632.000.000 đồng, không liên quan đến trách nhiệm liên đới của Nguyễn Thanh H.

- Anh H kháng cáo yêu cầu sửa bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, không đồng ý cùng chị V1 liên đới trả cho chị P và anh H số tiền 632.000.000 đồng.

- Bà Đặng Thị T2 kháng cáo yêu cầu sửa bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, buộc anh Nguyễn Thanh H trả lại cho bà Đặng Thị T2 phần đất, gắn liền căn nhà ngang 04m x dài 12m, diện tích 48m², thuộc thửa số 30, tờ bản đồ số 69, do Nguyễn Thanh H đứng tên, đất toạ lạc tại đường số A, khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị V1 và anh H kháng cáo bổ sung đề nghị hủy án sơ thẩm và hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Chị V1 yêu cầu xem xét số tiền lãi đã đóng. Bà T2 kháng cáo bổ sung yêu cầu anh H trả lại đất gắn liền với căn nhà và 02 xe mô tô và H3 quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị V1 và anh H trình bày nội dung vụ án: Biên nhận ngày 12/01/2023, anh H không có ký tên, anh H không biết việc chị V1 vay tiền của chị P, anh L. Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng, vi phạm khoản 2, Điều 3 Bộ luật dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ không đầy đủ, anh H thống nhất trả lại tài sản cho bà T2, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không công nhận là vi phạm thẩm quyền. Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh H liên đới cùng chị V1 trả nợ, nhưng không tuyên buộc anh H trả bao nhiêu tiền, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là vi phạm pháp luật và đề nghị hủy bản án sơ thẩm, hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị P và anh L trình bày: Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện cho chị V1 thừa nhận chị V1 vay tiền cho vay lại để hưởng chênh lệch nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu, kháng cáo không có yêu cầu xem xét tiền lãi, không có yêu cầu Hủy án sơ thẩm, Hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, nên kháng cáo bổ sung của chị V1, anh H và bà T2 là vượt quá yêu cầu kháng cáo ban đầu và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị V1, anh H và bà T2, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành tốt quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là không chấp nhận kháng cáo của chị V1, anh H, bà T2, giữ nguyên án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết và xét xử vụ án đúng theo quy định Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị V1, anh H, bà T2 kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 273, 295, 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của anh Nguyễn Thanh H không đồng ý cùng chị V1 trả cho chị P và anh L số tiền 632.000.000 đồng.

[3] Xét thấy, anh H là chồng của chị V1, tại thời điểm vay tiền của chị P, anh L thì anh H và chị V1 sinh sống tại căn nhà số F, đường số A, khóm A, phường A, thành phố H. Mặc dù biên nhận ngày 12/01/2023, không có chữ ký của anh H, nhưng theo biên nhận ngày 12/01/2023 do chị V1 viết và ký tên có nội dung như sau: “ Hôm nay, ngày 12/01/2023 tôi có cần tiền làm ăn cần thêm số tiền, nên có bàn bạc và đồng ý thống nhất mượn tiền của vợ chồng Nguyễn Bảo L sinh năm 1985, Nguyễn Ngọc Lan P, sinh năm 1987, ngụ tại khóm E, phường A, thành phố H với số tiền là 632.000.000 đồng. Sau này vợ chồng bảo L và P cần vợ chồng chúng tôi hoàn trả số tiền trên 632.000.000 đồng, nếu sai phạm vợ chồng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm”. Như vậy, chứng tỏ khi vay tiền chị V1 có bàn bạc và có sự thống nhất của anh H.

[4] Về phía chị V1 thừa nhận số tiền vay của chị P và anh L, thì chị V1 cho anh Nguyễn Linh T5 vay 630.000.000 đồng, còn 2.000.000 thì tiêu xài. Ngoài việc cho anh T5 vay, thì chị V1 còn có cho anh Huỳnh Công T9 vay tiền. Tại biên bản ghi lời khai ngày 05/12/2023 anh Huỳnh Công T9 trình bày:…Trước tết chị V1, anh H có đến nhà của anh T9 đòi nợ và kêu anh T9 phải đưa trước số tiền 200.000.000 đồng, để trả cho chị P, do số tiền chị V1 cho anh T9 vay lấy từ

tiền của chị P. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của chị V1 trình bày mục đích chị V1 vay tiền của chị P, anh L để cho vay lại kiếm tiền mua sửa cho con. Như vậy, việc chị V1 vay tiền cho vay lại cũng là làm kinh tế tạo thu nhập lo cho gia đình, phục vụ nhu cầu sinh hoạt thiết yếu cho gia đình. Vì thế, án sơ thẩm xử buộc anh H liên đới cùng chị V1 trả cho chị P và anh L số tiền 632.000.000 đồng là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh H.

[5] Đối với chị V1 kháng cáo đồng ý một mình chị V1 trả cho chị P và anh L số tiền 632.000.000 đồng. Chị P và anh L không đồng ý. Xét thấy, về phía chị V1 không có nghề nghiệp ổn định và cũng không chứng minh là có tài sản để đảm bảo việc trả nợ vay cho chị P và anh L, nên việc chị V1 nhận một mình trả hết số tiền vay cho chị P và anh L là không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho chị P, anh L, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6] Xét kháng cáo của bà T2 yêu cầu anh H trả đất, nhà và xe mô tô. Xét thấy, mặc dù anh H thừa nhận đất, nhà là của bà T2 và 02 xe mô tô anh H đã bán cho bà T2, nên đồng ý trả lại cho bà T2.

[7] Về phần đất: Theo hợp đồng mua bán đất nền nhà ngày 04/7/2008, thể hiện ông Lê Thái H2, bà Nguyễn Thị M cùng các con có chuyển nhượng cho anh Nguyễn Thanh H và bà Đặng Thị T2, diện tích đất ngang 4m, dài 14m, diện tích 48m$^2$, giá 40.000.000 đồng. Đến ngày 01/9/2021, anh Nguyễn Thanh H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà. Theo bà T2 tiền chuyển nhượng đất và xây dựng nhà là của bà T2 và ông S, do anh H là con một nên bà T2 để cho anh H đứng tên thuận tiện trong việc giao dịch. Bà T2 có cung cấp tờ thỏa thuận ngày 09/3/2021, biên nhận ngày 10/4/2010 âl của ông Phạm Văn Đ là người xây dựng nhà. Xét thấy, tờ thỏa thuận ngày 09/3/2021 và biên nhận ngày 10/4/2010 không có xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nên không có giá trị về mặt pháp lý. Phần đất và căn nhà anh H đã được Ủy ban nhân dân thành phố H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất vào ngày 01/9/2021. Đây là cơ sở pháp lý xác lập quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở của anh H. Đồng thời, hiện nay bà T2, anh H và các con của anh H đang sống chung trong căn nhà không có mâu thuẫn gì.

[8] Đối với 02 xe mô tô, anh H khai là tài sản của anh H, do anh H đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe, nhưng đã bán cho bà T2. Xét thấy, xe mô tô là

tài sản bắt buộc phải đăng ký theo qui định của pháp luật. Tuy nhiên, hiện nay anh H vẫn đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe, nên việc anh H viết giấy tay bán cho bà T2 là không đúng qui định của pháp luật.

Việc anh H đồng ý trả đất, nhà, xe mô tô cho bà T2 thực chất là tẩu tán tài sản, nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho chị P, anh L. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà T2.

[9] Tại phiên tòa phúc thẩm, chị V1, anh H kháng cáo bổ sung yêu cầu xem xét tiền lãi đã đóng, Hủy bản sơ thẩm, Hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Bà T2 kháng cáo yêu cầu Hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Xét thấy, chị V1, anh H, bà T2 kháng cáo bổ sung tại phiên tòa phúc thẩm vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu theo quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, chị V1, anh H cũng không nêu căn cứ Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm về thủ tục tố tụng hoặc nội dung để Hủy bản án sơ thẩm. Đối với yêu cầu Hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Xét thấy, nhà, đất, xe mô tô được xác định là quyền sử dụng, quyền sở hữu của anh H. Anh H có nghĩa vụ liên đới cùng chị V1 trả nợ cho chị P và anh L, nên việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" đúng theo quy định tại Điều 126 Bộ Luật tố tụng dân sự, nên kháng cáo của chị V1, anh H và bà T2 là không có cơ sở. Đối với chị V1 kháng cáo yêu cầu xem xét lại tiền lãi đã đóng là vượt quá kháng cáo ban đầu. Đồng thời, chị V1 cũng không chứng minh được từ ngày 12/01/2023 chị V1 đóng lãi cho chị P được bao nhiêu tiền lãi, nên kháng cáo của chị V1 cũng không có căn cứ.

[10] Xét, đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị P và anh L, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của chị V1, anh H và bà T2, giữ nguyên án sơ thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Xét, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị V1, anh H, đề nghị chấp nhận kháng cáo của chị V1, anh H, Hủy án sơ thẩm, Hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là chưa phù hợp, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[12] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của chị V1, anh H, bà T2, giữ nguyên bản án thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Từ những cơ sở trên, Hội đồng xé xử không chấp nhận kháng cáo của chị V1, anh H, bà T2, giữ nguyên bản án thẩm.

[14] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Do kháng cáo của chị V1, anh H, bà T2 không được chấp nhận, nên chị V1, anh H, bà T2 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bà T2 là người cao tuổi có đơn xin miễn tiền án phí. Căn cứ vào Điều 12, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án, nên Hội đồng xét xử miễn án phí phúc thẩm cho bà T2.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 308; Khoản 1, Điều 148, Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 422, Điều 472, Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 30 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của chị Trần Ngọc Huyền V1, anh Nguyễn Thanh H và bà Đặng Thị T2.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc L1 P và anh Nguyễn Bảo L.

Buộc chị Trần Ngọc H1 V1 và anh Nguyễn Thanh H cùng có trách nhiệm liên đới trả cho chị Nguyễn Ngọc L1 P và anh Nguyễn Bảo L số tiền vay còn nợ tổng cộng là 632.000.000 đồng (Sáu trăm ba mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ giải quyết một phần vụ án đối với yêu cầu độc lập của bà Đặng Thị T2, do bà T2 tự nguyện rút đơn.

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Đặng Thị T2 về việc yêu cầu anh Nguyễn Thanh H trả lại cho bà phần đất gắn liền căn nhà ngang 4m x dài 12m, diện tích 48m$^2$, thuộc thửa số 30, tờ bản đồ số 69, do anh Nguyễn Thanh H đứng tên, đất toạ lạc tại đường số A, khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

4. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 01/2023/QĐ-BPKCTT ngày 20 tháng 03 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự.

5. Về án phí:

5.1 Chị Nguyễn Ngọc Lan P và anh Lê Bảo L2 không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 14.640.000 đồng, theo biên lai số 0006949 ngày 16/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự.

5.2 Buộc chị Trần Ngọc Huyền V1 và anh Nguyễn Thanh H cùng có trách nhiệm nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng 29.280.000 đồng.

5.3 Bà Đặng Thị T2 là người cao tuổi, nên được miễn tiền án phí theo quy định. Bà Đặng Thị T2 được nhận lại tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0001215 ngày 24/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự.

5.4 Chị V1 và anh H mỗi người phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm của chị V1, anh H mỗi người đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005007, 0005008 cùng ngày 13/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự, được trừ vào tiền án phí.

5.5 Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà T2.

6. Về chi phí tố tụng: Tổng cộng 2.932.000 đồng, bà T2 phải chịu, bà T2 đã nộp tạm ứng và đã chi xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
- Phòng KTNV THA Tòa án Tỉnh,
- VKSND Tỉnh;
- Tòa án ND thành phố Hồng Ngự;
- Chi cục THADS thành phố Hồng Ngự;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Nguyễn Tấn Tặng**